

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÔNG HẢI  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 01/6/2021  
(V/v Tranh chấp xin ly hôn)

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI - TỈNH BẠC LIÊU**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Lưu Hải Đăng

***Các hội thẩm nhân dân:***

1/. Ông Nguyễn Thanh Tiền

2/. Bà Phạm Thị Nhâm

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Mộng Nghi - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Trung Kiên, Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 78/2021/TLST-HN ngày 25 tháng 3 năm 2021 về việc “tranh chấp xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

**1/. Nguyên đơn:** **Chị Nguyễn Thị Ngọc T**, sinh năm 1991

Địa chỉ: ấp TĐ, xã LĐT, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

**2/. Bị đơn:** **Anh Nguyễn Văn Ch**, sinh năm 1984

Địa chỉ: ấp TĐ, xã LĐT, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

*(Chị T có đơn xin vắng mặt, anh Ch vắng mặt không lý do)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 18/3/2021 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nguyễn Văn Ch cưới nhau vào khoảng năm 2008, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LĐT vào ngày 08/6/2009 và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn theo chị T xác định: thời gian đầu chung sống với nhau thì vợ chồng anh chị sống hạnh phúc, nhưng cách đây vài năm thì vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng và không còn hạnh phúc. Lý do chính là do anh Ch không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc cuộc sống gia đình, anh Ch thường xuyên ghen tuông vô cớ, kiểm chuyện hành hung đánh đập chị. Vì không chịu nổi cuộc sống chung với anh Ch nên chị đã ly thân với anh Ch về nhà cha mẹ ruột chị sống từ tháng 6/2019 đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng

không còn hạnh phúc, vợ chồng cũng không thể hàn gắn lại được và chị cũng không còn tình cảm gì với anh Ch nên chị yêu cầu xin được ly hôn với chồng chị là anh Ch.

Về quan hệ con chung: chị T xác định thời gian chung sống với chồng anh chị có 02 người con chung tên Nguyễn Chí Ng, sinh ngày 18/11/2009 và Nguyễn Thị Kiều O, sinh ngày 08/10/2014. Hiện nay cả hai đang sống cùng với anh Ch. Khi ly hôn chị đồng ý giao cả hai con cho anh Ch được tiếp tục nuôi. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh chị không có tài sản chung, khi ly hôn chị Châu không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ thì vợ chồng anh chị không có nợ ai, khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Văn Ch: Mặc dù anh Ch đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Ch vẫn không đến Tòa án để làm việc theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án, và cũng không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án sẽ tiến hành giải quyết vắng mặt đối với anh Ch theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Ch chấp hành Cha nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: giữa chị T và anh Ch kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nhưng do thời gian chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được, hiện tại chị T xác định chị không còn tình cảm với anh Ch. Điều này chứng tỏ như vậy cuộc sống vợ chồng của chị T và anh Ch nếu tiếp tục kéo dài thì cũng không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn với anh Ch là phù hợp với quy định của pháp luật;

Về con chung: Từ lúc chị T và anh Ch ly thân với nhau thì hai người con là Nguyễn Chí Ng, sinh ngày 18/11/2009 và Nguyễn Thị Kiều O, sinh ngày 08/10/2014 là do anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Anh Ch vẫn đảm bảo về điều kiện nuôi con và sự phát triển của con sau này. Đồng thời nguyện vọng của cả hai người con là muốn được tiếp tục sống cùng với anh Ch. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao cả hai người con là Nguyễn Chí Ng, sinh ngày 18/11/2009 và Nguyễn Thị Kiều O, sinh ngày 08/10/2014 cho anh Ch được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Chị T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Anh Ch không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Khi ly hôn chị T và anh Ch không đặt ra yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí thì chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với anh Ch. Anh Ch có địa chỉ cư trú tại huyện Đông Hải. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải.

Chị T có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T.

Anh Ch đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh Ch vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Ch.

[2] Về nội dung vụ án: giữa chị T và anh Ch kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đã được Ủy ban nhân dân xã LĐT cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 08/6/2009 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh Ch thì Hội đồng xét xử thấy rằng: mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, giúp đỡ nhau cùng nhau tiến bộ. Nhưng thời gian chung sống chị T và anh Ch lại không làm được, mà còn phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn lại được. Anh chị cũng đã ly thân từ tháng 06/2019 đến nay. Trong thời gian qua cả hai anh chị đều không có biện pháp cụ thể nào để thể hiện anh chị muốn hàn gắn lại với nhau, anh chị không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Quá trình tố tụng chị T cũng xác định hiện tại chị không còn tình cảm gì với anh Ch, nếu vợ chồng quay về với nhau thì cuộc sống chung cũng không còn hạnh phúc.

Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm của vợ chồng phải được xuất phát từ hai phía, nhưng phía chị T xác định hiện tại chị đã không còn tình cảm gì với anh Ch, như vậy chứng tỏ cuộc sống vợ chồng của chị T và anh Ch là không thể hàn gắn lại được, cuộc sống chung đã không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh Ch là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: Từ lúc chị T và anh Ch ly thân với nhau thì hai người con là Nguyễn Chí Ng, sinh ngày 18/11/2009 và Nguyễn Thị Kiều O, sinh ngày 08/10/2014 là do anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Anh Ch vẫn đảm bảo về điều kiện nuôi con và sự phát triển của con sau này. Đồng thời nguyện vọng của cả hai người con là muốn được tiếp tục sống cùng với anh Ch. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao cả hai người con là Nguyễn Chí Ng, sinh ngày 18/11/2009 và Nguyễn Thị Kiều O, sinh ngày 08/10/2014 cho anh Ch được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Về mức cấp dưỡng nuôi con do anh Ch không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Chị T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị T và anh Ch không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc T; Xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ch.

2/. Về nuôi con chung: Giao cả hai người con tên Nguyễn Chí Ng, sinh ngày 18/11/2009 và Nguyễn Thị Kiều O, sinh ngày 08/10/2014 cho anh Nguyễn Văn Ch được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục.

Chị Nguyễn Thị Ngọc T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Về mức cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Thị Ngọc T.

3/. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình: chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011630 ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Nguyễn Văn Ch biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
*đã ký*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh BL
- VKSND huyện Đông Hải
- THA huyện Đông Hải
- UBND xã LĐT
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

**Lưu Hải Đăng**